TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2018/DS-PT
Ngày 31 – 5 - 2018
V/v tranh chấp "Đòi lại tài sản (Đòi lại quyền sử dụng đất + nhà)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em.

Ông Huỳnh Văn Ngoan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Sắc Ly, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2016/TLPT-DS ngày 03/10/2016 về tranh chấp: "Đòi lại tài sản (Đòi lại quyền sử dụng đất + nhà)".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2016/DSST ngày 14/7/2016 của Tòa án nhân dân thị xã C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 375/2016/QĐ-PT ngày 14/10/2016 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1/ Huỳnh Thanh H, sinh năm: 1961;
2/ La Thị M, sinh năm: 1963.

Người đại diện hợp pháp của bà La Thị M: ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1961 (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2015 của Ủy ban nhân dân phường M, thị xã C)

Cùng địa chỉ: Số M, T, khu phố H, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H và bà M: Luật gia ông Nguyễn Văn G – Trung tâm tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Bị đơn*: Nguyễn Phú C**,** sinh năm: 1978.

Địa chỉ: số B, khu phố H, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Phú C: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1955 (có mặt) (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/4/2018 của Văn phòng công chứng huyện C)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Luật sư ông Lê Hoàng A – Văn phòng Luật sư Lê Hoàng A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: số B, khu phố H, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1955 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V, chị N: Luật sư ông Lê Hoàng A – Văn phòng Luật sư Lê Hoàng A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

3/ Nguyễn Phú S, sinh năm: 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: số B, tầng N, lô B, Chung cư M C, phường N, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của anh S, chị N: Nguyễn Văn C, sinh năm: 1962 (có mặt) (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2016 của Văn phòng công chứng Gia Định và ngày 22/5/2018 của Văn phòng công chứng Sài Gòn)

Địa chỉ: số B, khu phố H, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

4/ Phạm Thị Kim L, sinh năm: 1958 (có mặt);

HKTT: số B, khu phố H, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Luật gia ông Nguyễn Văn Giáp – Trung tâm tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Nguyễn Phú C; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồng N, Nguyễn Thị Thu V; ông Nguyễn Văn C - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phú S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh H, bà La Thị M trình bày:**

Vào ngày 22/9/2014 bà Phạm Thị Kim L có sang nhượng cho vợ chồng ông bà một phần của thửa đất 124 diện tích 987,4m^2, nhà và các tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố H, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, với giá 500.000.000 đồng.

Hai bên có làm hợp đồng và có ra chứng thực. Ông bà đã giao đủ tiền cho bà L và bà L cũng đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông bà. Ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00069 do UBND thị xã C cấp ngày

29/10/2014. Theo thỏa thuận với bà L thì đến ngày 03/11/2014 bà L giao toàn bộ nhà và đất cho ông bà nhưng bà L đã giao trước 01 tuần lễ. Ông bà đã nhận đất, nhà và làm ổ khóa để khóa cửa rào và cửa nhà.

Ngày 01/11/2014 anh C đã tự ý đến cắt ổ khóa cửa rào và cửa nhà, thay ổ khóa khác nhằm mục đích không cho ông bà vào nhà. Ông H có báo chính quyền địa phương và làm đơn gởi Công an thị xã C yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với anh C về tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Công an thị xã C ra Thông báo số 36 ngày 27/3/2015 không khởi tố vụ án hình sự và cho rằng đây chỉ là vụ việc tranh chấp đòi lại tài sản. Anh C tự đến chiếm sử dụng ở cùng với chị Nguyễn Hồng N, Nguyễn Thị Thu V.

Nay ông H, bà M yêu cầu anh Nguyễn Phú C, chị Nguyễn Hồng N, Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới di dời toàn bộ vật dụng trong nhà, 01 bộ cửa sắt hàng rào để trả lại cho ông H, bà M phần đất tại thửa số 226, tờ bản đồ số 51, diện tích 987,4m2; 01 căn nhà chính mái tole, vách tường, nền xi măng, không khu phụ; 01 căn nhà phụ kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền xi măng, có khu phụ; 01 căn nhà tạm kết cấu cột bê tông đúc sẵn, mái tole, nền xi măng, không vách; 01 hàng rào kết cấu cột bê tông đúc sẵn, tường xây cao 0,5m, phần trên kéo lưới B40; hàng rào loại 3, kết cấu cột bê tông đúc sẵn, kéo lưới B40 và toàn bộ cây trồng có trên đất, tọa lạc tại khu phố H, phường N, thị xã C, Tiền Giang sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn anh Nguyễn Phú C trình bày:**

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội anh cho cha mẹ anh là ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị Thu V. Khi ông C và bà V ly hôn thì phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi ông C, bà V ly hôn thì ông C mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân ông C. Việc ông C đã tặng cho đất cho bà Phạm Thị Kim L là vợ sau của ông C như thế nào thì anh không biết. Khi ông C còn sống có lên khu S, thị trấn C, huyện C trước đây để làm giấy cho anh, anh S và chị N phần đất diện tích 600m2 nằm trong phần đất hiện đang tranh chấp, có xác nhận của khu phố, nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Đối với căn nhà và hàng rào trên đất là do anh C, anh S, chị N và ông C bỏ tiền ra để xây cất. Anh không nhớ rõ xây cất năm nào và ai là người trực tiếp mua vật liệu vật liệu xây dựng cũng như mướn nhân công.

Đối với các loại cây trồng có trên đất cũng do những người trong gia đình cùng trồng. Đối với bộ cửa sắt hàng rào là do anh mới làm sau này và anh có trồng mới thêm 02 cây xoài, 05 cây mít.

Hiện nay nhà và đất tranh chấp đang do anh cùng chị N, bà V đang quản lý sử dụng để ở. Anh không đồng ý trả lại vì đã ở ổn định từ trước đến nay. Nếu Tòa án xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì 02 cây xoài, 05 cây mít do anh trồng, anh tự nguyện giao cho nguyên đơn sử dụng, không yêu cầu bồi thường giá trị. Riêng đối với bộ cửa sắt hàng rào thì anh tự tháo dỡ di dời.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1/ Chị Nguyễn Hồng N thống nhất với trình bày của anh C. Chị xác định hiện nay chỉ có chị, anh C và bà V cùng ở trên phần đất và nhà tranh chấp. Chị không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

2/ Anh Nguyễn Phú S có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn C thống nhất với trình bày của anh C và xác định nhà cũng như hàng rào trên đất là do anh S cùng anh C, chị N và ông C bỏ tiền ra để sửa chữa lại nhà và làm hàng rào. Hiện nay anh C cùng với chị N ở trên phần đất tranh chấp từ trước đến nay. Anh S không đồng ý trả nhà và đất cho nguyên đơn.

3/ Bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ chồng cho bà và ông C khi vợ chồng còn sống chung, nhưng chưa làm thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn nhà trên đất tranh chấp là do bà và ông C xây dựng vào năm 1976. Năm 1995 bà và ông C ly hôn. Bà có thỏa thuận miệng với ông C để lại căn nhà và đất cho ông C cùng các con ở. Cho nên nhà và đất tranh chấp là của bà và ông C cùng các con xây dựng, sau đó có tu bổ, sửa chữa lại và sống ổn định từ trước tới giờ. Khi ly hôn với ông C, bà về sống chung gia đình cha mẹ của bà. Ông C chết, bà về ở cùng với anh C, chị N từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

4/ Bà Phạm Thị Kim L trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông C cho ông C và ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân ông C. Sau đó ông C làm thủ tục tặng cho bà và bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà bỏ tiền ra xây dựng nhà, làm hàng rào và đã làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Các cây trồng trên đất cũng do bà bỏ tiền ra mua cây giống về trồng. Bà sang nhượng lại cho ông H, bà M một phần của thửa đất 124 diện tích 987,4m^2 cùng nhà và các tài sản khác gắn liền với đất, với giá 500.000.000. Ông H, bà M đã giao tiền đầy đủ và cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Cho nên ông H, bà M có quyền đứng ra khởi kiện. Bà không có ý kiến gì, cũng không tranh chấp gì.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2016/DSST ngày 14/7/2016 của Tòa án nhân dân thị xã C đã áp dụng Điều 256, 688 Bộ luật dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai; Điều 4, 5, 6, 10 Luật nhà ở; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1/ Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh H và bà La Thị M, ông H cũng là đại diện theo ủy quyền của bà M.

Buộc anh Nguyễn Phú C, chị Nguyễn Hồng N và bà Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới di dời toàn bộ vật dụng trong nhà thuộc quyền sở hữu hợp pháp của phía anh C, chị N, bà V và 01 bộ cửa sắt hàng rào, để giao trả lại cho ông Huỳnh Thanh H và bà La Thị M phần đất tại số thửa 226, tờ bản đồ số 51, diện tích 987,4m^2; 01 căn nhà chính mái tole, vách tường, nền xi măng, không khu phụ; 01 căn nhà phụ kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền xi măng, có khu phụ; 01 căn nhà tạm kết cấu cột bê tông đúc sẵn, mái tole, nền xi măng, không vách; 01 hàng rào kết cấu cột bê tông đúc sẵn, tường xây cao 0,5m, phần trên kéo lưới B40; hàng rào loại 3, kết cấu cột bê tông đúc sẵn, kéo lưới B40 và toàn bộ cây trồng có trên đất, tọa lạc tại khu phố H, phường N, thị xã C, Tiền Giang sau khi án có hiệu lực pháp luật. (có sơ đồ đất kèm theo).

2/ Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Phú C, chị Nguyễn Hồng N và bà Nguyễn Thị Thu V phải có nghĩa vụ liên đới chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Huỳnh Thanh H và bà La Thị M 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông H và bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 03397 ngày 13/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

* Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 18/7/2016, Bị đơn Nguyễn Phú C; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồng N, Nguyễn Thị Thu V; ông Nguyễn Văn C - Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phú S có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C, bà V, chị N, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông H, bà L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C phát biểu tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử: Án sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ quyền sử dụng đất cấp cho hộ hay cá nhân. Năm 2005 bà V ly hôn với ông C không chia tài sản tức chưa phân chia chứ không phải giao hết đất cho ông C sử dụng định đoạt. Ông C tặng cho đất bà L chứ không đề cặp tặng cho nhà. Năm 2007 có tranh chấp tài sản nhưng bà L chuyển nhượng nhà đất cho nguyên đơn là không phù hợp pháp luật. Án sơ thẩm chưa làm rõ căn nhà 447 và 447/2 có phải là 1 hay 2 căn nhà. Án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì theo đơn khởi kiện chỉ yêu cầu anh C trả nhà đất chứ không có yêu cầu bà V, chị N. Hội đồng định giá không đúng quy định, nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường không có chức năng định giá, không có cơ quan chuyên môn là Phòng Kinh tế và hạ tầng tham gia. Anh C cho chị H thuê nhà nhưng chưa được làm rõ

và chưa đưa chị H tham gia tố tụng là vi phạm. Do án sơ thẩm có sai sót nêu trên, đề nghị hủy án sơ thẩm.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bà L phát biểu tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử: Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, không vi phạm tố tụng như phía luật sư bị đơn nêu. Không có chứng cứ nào chứng minh đất cấp cho hộ ông C nên ông C có quyền định đoạt. Yêu cầu của nguyên đơn đã được nêu rõ trong quá trình giải quyết vụ án. Các hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoàn toàn hợp pháp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc định giá của Hội đồng định giá không ai khiếu nại gì. Căn nhà duy nhất năm trên phần đất tranh chấp, nên không cần xác định số 447 hay 447/2, đây chỉ là số mới, số cũ khi cấp đổi. Việc bị đơn cho chị H thuê sau khi định giá, bị đơn cũng không thông báo cho Tòa án biết, nên không vi phạm và hợp đồng thuê không có chứng thực nên không hợp pháp. Đồng thời, anh H cũng đã thể hiện ý chí thỏa thuận cho chị H thuê, nếu có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ kiện khác. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Án sơ thẩm có nhiều sai sót: Các bên khai không thống nhất nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất lời khai giữa các bên về ai là người sửa chữa nhà. Ai là người bẽ ổ khóa vào nhà nhưng chưa làm rõ. Không làm rõ căn nhà số 447/2 và 447 có phải là một hay không. Nhà và đất tranh chấp phía anh C và chị N có làm "Hợp đồng cho thuê quán" cho chị Hồ Thị Ngọc H thuê một phần, thời hạn thuê từ ngày 01/12/2015 đến ngày 01/12/2020, nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do án sơ thẩm có nhiều sai sót, đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để giải quyết theo thủ tục chung.

Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ, nghe các đương sự trình bày trước tòa, và quan điểm của Kiểm sát viên, qua kết quả tranh tụng tại tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, án sơ thẩm căn cứ vào những qui định của Bộ luật Dân sự, Luật đất đai, Luật Nhà ở và căn cứ vào nguồn gốc đất, nhận định cho rằng: Bà L lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thanh H và bà La Thị M. Đồng thời, ông H, bà M đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà M để xác định nhà và tài sản khác gắn liền với đất là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của phía ông H và bà M, là có cơ sở.

[2] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn anh C thừa nhận: Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 01/12/2015 phía anh C và chị N có lập "Hợp đồng cho thuê quán" cho chị Hồ Thị Ngọc H thuê một phần nhà để bán nước giải khát, chị H đã đầu tư xây dựng mái che, tạo nền để sử dụng. Lời thừa nhận của bị đơn phù hợp với Biên bản lấy lời khai vào ngày 18/4/2018 của bà Hồ Thị Ngọc H và biên bản thẩm định ngày 18/4/2018 của Tòa án cấp phúc thẩm. Từ khi cho thuê, anh C và chị N không thông báo và không cung cấp hợp đồng thuê cho Tòa cấp sơ thẩm biết để đưa chị Hồ Thị Ngọc H và tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hồ Thị Ngọc H. Tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2018 chị H không tranh chấp, nhưng án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần thiết phải đưa chị H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo thi hành án. Do cấp sơ thẩm có thiếu sót không đưa chị H tham gia tố tụng, nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

[4] Do hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Nguyễn Phú C; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồng N, Nguyễn Thị Thu V; ông Nguyễn Văn C - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phú S.

[5] Ý kiến của Luật sư bảo vệ nguyên đơn chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Ý kiến của Luật sư bảo vệ bị đơn và đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 296, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 256, 688 Bộ luật dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai; Điều 4, 5, 6, 10 Luật nhà ở; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2016/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã C.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã C để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Phú C; anh Nguyễn Phú S, chị Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị Thu V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại Anh Nguyễn Phú C; anh Nguyễn Phú S, mỗi người 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000086 ngày 20/7/2016 và biên lai thu số 0000085 ngày 20/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Hoàn lại Chị Nguyễn Hồng N và bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000087 ngày 20/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

- Án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 5 năm 2018, có mặt ông Hải, các đương sự còn lại vắng mặt.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2018-L.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn